

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 3 - 2026

V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Ông Lê Khắc Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 424/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2023/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Ngọc Hoàng V, sinh năm 1996; địa chỉ: số D, khu phố P, xã P, tỉnh Vĩnh Long (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Lê Ngọc Liên T, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp M, xã H, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, Đơn xin vắng mặt nguyên đơn anh Phan Ngọc Hoàng V trình bày:

Anh và chị Lê Ngọc Liên T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long), được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2020 ngày 14/12/2020.

Sau khi kết hôn, anh và chị chung sống một thời gian nhưng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn về quan điểm sống ngày càng nhiều, nên thường xuyên

cãi vả, tình cảm vợ chồng dần rạn nứt. Từ tháng 01/2022 đến nay, anh và chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm chăm sóc nhau như nghĩa vụ vợ chồng.

Đến nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hoàn toàn chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: anh yêu cầu ly hôn với chị T.
- Về con chung: anh đồng ý giao con chung Phan Lê Phúc V1, sinh ngày 20/09/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi.
- Về tài sản chung, nợ chung: anh trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc làm ăn, anh yêu cầu tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và xin vắng mặt trong các phiên công khai chứng cứ, vắng mặt trong việc xét xử vụ án nêu trên.

Bị đơn chị Lê Ngọc Liên T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

- Về nội dung: xét lời trình bày của anh V1 cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Thấy rằng trong thời gian chung sống anh V1 và chị T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó có căn cứ xác định hôn nhân giữa anh V1 và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của anh V1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: anh V1 và chị T có 01 con chung Phan Lê Phúc V1, sinh ngày 20/09/2020 hiện đang sống cùng chị T. Anh V1 cũng đồng ý giao cháu V1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung, nợ chung: anh V1 trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 227, 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 115 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: anh Phan Ngọc Hoàng V được ly hôn với chị Lê Ngọc Liên T.
- Về con chung: chị Lê Ngọc Liên T được quyền trực tiếp nuôi con chung Phan Lê Phúc V1, sinh ngày 20/09/2020. Ghi nhận sự tự nguyện của anh V1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Sau khi ly hôn các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định luật hôn nhân và gia đình.
- Về tài sản chung, nợ chung: anh V1 trình bày không có, chị T không có ý kiến phản đối, không yêu cầu yêu cầu giải quyết nên không xem xét;
- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Ngọc Hoàng V, anh yêu cầu ly hôn với chị Lê Ngọc Liên T nên đây là tranh chấp “ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn chị Lê Ngọc Liên T cư trú tại xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long), do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

[2] Về tố tụng: nguyên đơn anh V có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn chị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ các Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng anh V và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay xã H, tỉnh Vĩnh Long) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 14/12/2020. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của anh V cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh V đã trải qua khoảng thời gian dài mất hạnh phúc, từ nguyên nhân nhân cả hai anh chị thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, anh chị đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay và cả hai không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ.

Đối với chị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử cùng với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa anh V và chị T cho thấy nội dung anh V đã trình bày về tình trạng hôn nhân giữa anh và chị T là có căn cứ chấp nhận. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh V và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V là phù hợp.

[4] Về con chung: con chung Phan Lê Phúc V1, sinh ngày 20/09/2020, hiện đang sống cùng chị T. Xét thấy chị T có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dạy để con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Vì vậy giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời ghi nhận việc anh V1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: anh V1 trình bày không có và không yêu cầu giải quyết; chị T không có lời trình bày về vấn đề này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh V1 và chị T được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác (nếu có yêu cầu).

[6] Về án phí sơ thẩm: anh V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phan Ngọc Hoàng V. Anh Phan Ngọc Hoàng V được ly hôn với chị Lê Ngọc Liên T.

Anh V và chị T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: chị Lê Ngọc Liên T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Lê Phúc V1, sinh ngày 20/09/2020. Anh Phan Ngọc Hoàng V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Phan Lê Phúc V1 là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thực hiện cấp dưỡng lần đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung, nợ chung: anh V1 trình bày không có và không yêu cầu giải quyết; chị T không có lời trình bày về vấn đề này nên không xem xét giải quyết. Anh V1 và chị T được quyền khởi kiện yêu cầu về việc giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh Phan Ngọc Hoàng V phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0008664 ngày 06/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long xem như đã nộp đủ.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Ngọc Hoàng V có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Hương Mỹ;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Cẩm Nhung

